

Số: 192/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 07 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
lĩnh vực khoáng sản và lĩnh vực chăn nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của
Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về
thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của
Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục
hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng,
Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị
định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một
cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số
85/TTr-SNN ngày 09/4/2025 và Tờ trình số 159/TTr-SNNMT ngày 29/4/2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ giải quyết thủ
tục hành chính lĩnh vực khoáng sản và lĩnh vực chăn nuôi thuộc thẩm quyền giải
quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện được công bố tại
Quyết định số 2353/QĐ-UBND ngày 10/9/2024 và Quyết định số 330/QĐ-UBND
ngày 12/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thi hành);
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- TT. Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT. HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Trung tâm CB&CTTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, LH, PT, NgM. 14

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tấn Tuân

PHỤ LỤC

QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN VÀ LĨNH VỰC CHĂN NUÔI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, UBND CẤP HUYỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1192/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

I. LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN

1. Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV. Mã TTHC: 1.013321, có 02 quy trình:

1.1. Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV – Trường hợp đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản.

- Mã TTHC: 1.013321-01

- Thời gian giải quyết: 28 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả công việc	Ghi chú
Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Bước 1 - Tiếp nhận hồ sơ	Tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày	- Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 (Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định); - Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 (Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định); - Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ	

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả công việc	Ghi chú
				(trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ); - Dữ liệu được cập nhật trên hệ thống.	
	Bước 2 - Thẩm định, thẩm tra hồ sơ		13,25 ngày		
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 2.1 - Phân công, thẩm định hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Khoáng sản và Bảo vệ môi trường	0,25 ngày	Chuyển hồ sơ trên phần mềm	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 2.2 - Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên; Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo cơ quan...	08 ngày	- Văn bản từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (BM số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018). - Các dự thảo văn bản liên quan khác.	
Các cơ quan gửi lấy ý kiến	Bước 2.3 - Lấy ý kiến các cơ quan liên quan	Các cơ quan liên quan	05 ngày	Văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan liên quan	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 3 - Tổng hợp, trình hồ sơ		6,5 ngày		
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 3.1 - Tổng hợp thẩm định hồ sơ sau khi lấy	Chuyên viên	05 ngày	Dự thảo cấp giấy phép khai thác, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho UBND tỉnh/Dự thảo văn bản yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ hoặc Văn bản từ chối giải	

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả công việc	Ghi chú
	ý kiến			quyết hồ sơ (BM số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 3.2 – Kiểm tra, duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Khoáng sản và Bảo vệ môi trường	0,5 ngày	Dự thảo cấp giấy phép khai thác, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho UBND tỉnh/Dự thảo văn bản yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ hoặc Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 3.3 - Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày	Dự thảo văn bản đã ký	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 3.4 - Phát hành văn bản	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Chuyển hồ sơ trình Dự thảo cấp giấy phép khai thác, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho UBND tỉnh. Chuyển bước 5. - Trường hợp từ chối giải quyết hồ sơ: Phát hành Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ Chuyển đến bước 7. - Trường hợp yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung: Phát hành văn bản yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ và tiếp nhận lại hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung. Chuyển bước 3.5.	
Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Bước 3.5 - Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ	0,25 ngày	Trường hợp yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung: Trả văn bản yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ và tiếp nhận lại hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung. Chuyển bước 4.	

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả công việc	Ghi chú
	Bước 4 - Kiểm tra sau khi chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ		03 ngày		
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 4.1 - Thẩm định/thẩm tra sau khi bổ sung hồ sơ	Chuyên viên	02 ngày	Dự thảo văn bản từ chối giải quyết hồ sơ/Giấy phép khai thác: BM số 05 Kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025.	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 4.2 - Kiểm tra, trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Chi cục Khoáng sản và Bảo vệ môi trường	0,25 ngày	Dự thảo văn bản đã ký nháy	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 4.3 - Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày	Dự thảo văn bản đã ký	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 4.4 - Phát hành văn bản	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày	Vào sổ đóng dấu, phát hành các văn bản	
UBND tỉnh	Bước 5 - UBND tỉnh xem xét, phê duyệt		03 ngày		

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả công việc	Ghi chú
UBND tỉnh	Bước 5.1	Văn thư/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Văn phòng UBND tỉnh	0,25 ngày	Toàn bộ hồ sơ	
UBND tỉnh	Bước 5.2	Cán bộ, công chức được giao xử lý hồ sơ	1,5 ngày	Dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	
UBND tỉnh	Bước 5.3	Lãnh đạo Phòng, ban chuyên môn	0,25 ngày	Dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	
UBND tỉnh	Bước 5.4	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	0,25 ngày	Dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	
UBND tỉnh	Bước 5.5	Lãnh đạo UBND tỉnh	0,5 ngày	Giấy phép khai thác khoáng sản/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	
UBND tỉnh	Bước 5.6	Văn thư, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Văn phòng UBND tỉnh	0,25 ngày	Giấy phép khai thác khoáng sản/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	
Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Bước 6 - Tiếp nhận, tổng hợp kết quả giải quyết TTHC	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	02 ngày	- Giấy phép khai thác khoáng sản/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do; - Thông báo thu lệ phí cấp phép.	
Trung tâm Phục vụ hành chính	Bước 7 – Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công	0 ngày	Giấy phép khai thác khoáng sản/Văn bản từ chối nêu rõ lý do.	

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả công việc	Ghi chú
công tỉnh		tỉnh			

1.2. Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV – Trường hợp đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản.

- Mã TTHC: 1.013321-02

- Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả công việc	Ghi chú
Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Bước 1 - Tiếp nhận hồ sơ	Tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày	- Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 (Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định); - Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 (Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định); - Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ (trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ); - Dữ liệu được cập nhật trên hệ thống.	
	Bước 2 - Thẩm định, thẩm tra hồ sơ		6,75 ngày		
Sở Nông nghiệp và	Bước 2.1 -	Lãnh đạo Chi cục	0,25	Chuyển hồ sơ trên phần mềm	

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả công việc	Ghi chú
Môi trường	Phân công, thẩm định hồ sơ	Khoáng sản và Bảo vệ môi trường	ngày		
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 2.2 - Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên; Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo cơ quan...	3,5 ngày	- Văn bản từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (BM số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018). - Các dự thảo văn bản liên quan khác.	
Các cơ quan gửi lấy ý kiến	Bước 2.3 - Lấy ý kiến các cơ quan liên quan	Các cơ quan liên quan	03 ngày	Văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan liên quan	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 3 - Tổng hợp, trình hồ sơ		03 ngày		
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 3.1 - Tổng hợp thẩm định hồ sơ sau khi lấy ý kiến	Chuyên viên	1,5 ngày	Dự thảo cấp giấy phép khai thác, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho UBND tỉnh/Dự thảo văn bản yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ hoặc Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ (BM số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 3.2 – Kiểm tra, duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Khoáng sản và Bảo vệ môi trường	0,5 ngày	Dự thảo cấp giấy phép khai thác, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho UBND tỉnh/Dự thảo văn bản yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ hoặc Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ.	

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả công việc	Ghi chú
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 3.3 - Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày	Dự thảo văn bản đã ký	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 3.4 - Phát hành văn bản	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Chuyển hồ sơ trình Dự thảo cấp giấy phép khai thác, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho UBND tỉnh. Chuyển bước 5. - Trường hợp từ chối giải quyết hồ sơ: Phát hành Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ Chuyển đến bước 7. - Trường hợp yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung: Phát hành văn bản yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ và tiếp nhận lại hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung. Chuyển bước 3.5.	
Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Bước 3.5 - Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ	0,25 ngày	Trường hợp yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung: Trả văn bản yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ và tiếp nhận lại hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung. Chuyển bước 4.	
	Bước 4 - Kiểm tra sau khi chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ		02 ngày		
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 4.1 - Thẩm định/thẩm tra	Chuyên viên	01 ngày	Dự thảo văn bản từ chối giải quyết hồ sơ/Giấy phép khai thác.	

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả công việc	Ghi chú
	sau khi bổ sung hồ sơ				
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 4.2 - Kiểm tra, trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Chi cục Khoáng sản và Bảo vệ môi trường	0,25 ngày	Dự thảo văn bản đã ký nháy	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 4.3 - Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày	Dự thảo văn bản đã ký	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 4.4 - Phát hành văn bản	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày	Vào sổ đóng dấu, phát hành các văn bản	
UBND tỉnh	Bước 5 - UBND tỉnh xem xét, phê duyệt		02 ngày		
UBND tỉnh	Bước 5.1	Văn thư/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Văn phòng UBND tỉnh	0,25 ngày	Toàn bộ hồ sơ	
UBND tỉnh	Bước 5.2	Cán bộ, công chức được giao xử lý hồ sơ	0,5 ngày	Dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả công việc	Ghi chú
UBND tỉnh	Bước 5.3	Lãnh đạo Phòng, ban chuyên môn	0,25 ngày	Dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	
UBND tỉnh	Bước 5.4	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	0,25 ngày	Dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	
UBND tỉnh	Bước 5.5	Lãnh đạo UBND tỉnh	0,5 ngày	Giấy phép khai thác khoáng sản/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	
UBND tỉnh	Bước 5.6	Văn thư, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Văn phòng UBND tỉnh	0,25 ngày	Giấy phép khai thác khoáng sản/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	
Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Bước 6 - Tiếp nhận, tổng hợp kết quả giải quyết TTHC	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	01 ngày	- Giấy phép khai thác khoáng sản/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do; - Thông báo thu lệ phí cấp phép.	
Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Bước 7 – Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0 ngày	Giấy phép khai thác khoáng sản/Văn bản từ chối nêu rõ lý do.	

2. Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV. Mã TTHC: 1.013322, có 02 quy trình:

2.1. Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV – Trường hợp đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản.

- Mã TTHC: 1.013322-01

- Thời gian giải quyết: 23 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả công việc	Ghi chú
Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Bước 1 - Tiếp nhận hồ sơ	Tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày	- Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 (Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định); - Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 (Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định); - Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ (trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ); - Dữ liệu được cập nhật trên hệ thống.	
	Bước 2 - Thẩm định, thẩm tra hồ sơ		10,25 ngày		
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 2.1 - Phân công, thẩm định hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Khoáng sản và Bảo vệ môi trường	0,25 ngày	Chuyển hồ sơ trên phần mềm	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 2.2 - Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên; Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo cơ quan...	05 ngày	- Văn bản từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (BM số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018). - Các dự thảo văn bản liên quan khác.	
Các cơ quan gửi	Bước 2.3 -		05	Văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan liên	

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả công việc	Ghi chú
lấy ý kiến	Lấy ý kiến các cơ quan liên quan		ngày	quan	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 3 - Tổng hợp, trình hồ sơ		4,5 ngày		
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 3.1 - Tổng hợp thẩm định hồ sơ sau khi lấy ý kiến	Chuyên viên	03 ngày	Dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn)/Dự thảo văn bản yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ hoặc Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ (BM số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 3.2 – Kiểm tra, duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Khoáng sản và Bảo vệ môi trường	0,5 ngày	Dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn)/Dự thảo văn bản yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ hoặc Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ.	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 3.3 - Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày	Dự thảo văn bản đã ký	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 3.4 - Phát hành văn bản	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Chuyển hồ sơ trình Dự thảo cấp giấy phép khai thác, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho UBND tỉnh. Chuyển bước 5. - Trường hợp từ chối giải quyết hồ sơ: Phát hành Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ Chuyển đến bước 7. - Trường hợp yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung: Phát	

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả công việc	Ghi chú
				hành văn bản yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ và tiếp nhận lại hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung. Chuyển bước 3.5.	
Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Bước 3.5 - Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ	0,25 ngày	- Trường hợp yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung: Trả văn bản yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ và tiếp nhận lại hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung. Chuyển bước 4.	
	Bước 4 - Kiểm tra sau khi chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ		03 ngày		
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 4.1 - Thẩm định/thẩm tra sau khi bổ sung hồ sơ	Chuyên viên	1,5 ngày	Dự thảo văn bản từ chối giải quyết hồ sơ/Giấy phép khai thác.	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 4.2 - Kiểm tra, trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Chi cục Khoáng sản và Bảo vệ môi trường	0,5 ngày	Dự thảo văn bản đã ký nháy	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 4.3 - Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày	Dự thảo văn bản đã ký	

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả công việc	Ghi chú
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 4.4 - Phát hành văn bản	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày	Vào sổ đóng dấu, phát hành các văn bản	
UBND tỉnh	Bước 5 - UBND tỉnh xem xét, phê duyệt		03 ngày		
UBND tỉnh	Bước 5.1	Văn thư/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Văn phòng UBND tỉnh	0,25 ngày	Toàn bộ hồ sơ	
UBND tỉnh	Bước 5.2	Cán bộ, công chức được giao xử lý hồ sơ	01 ngày	Dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn)/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	
UBND tỉnh	Bước 5.3	Lãnh đạo Phòng, ban chuyên môn	0,5 ngày	Dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn)/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	
UBND tỉnh	Bước 5.4	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày	Dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn)/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	
UBND tỉnh	Bước 5.5	Lãnh đạo UBND tỉnh	0,5 ngày	Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn)/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	
UBND tỉnh	Bước 5.6	Văn thư, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Văn phòng	0,25 ngày	Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn)/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả công việc	Ghi chú
		UBND tỉnh			
Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Bước 6 - Tiếp nhận, tổng hợp kết quả giải quyết TTHC	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	02 ngày	- Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn)/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do; - Thông báo thu lệ phí cấp phép.	
Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Bước 7 – Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0 ngày	Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn)/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	

2.2. Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV – Trường hợp đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản.

- Mã TTHC: 1.013322-02

- Thời gian giải quyết: 13 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả công việc	Ghi chú
Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Bước 1 - Tiếp nhận hồ sơ	Tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày	- Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 (Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định); - Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 (Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định); - Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số	

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả công việc	Ghi chú
				01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ (trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ); - Dữ liệu được cập nhật trên hệ thống.	
	Bước 2 - Thẩm định, thẩm tra hồ sơ		4,25 ngày		
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 2.1 - Phân công, thẩm định hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Khoáng sản và Bảo vệ môi trường	0,25 ngày	Chuyển hồ sơ trên phần mềm	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 2.2 - Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên; Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo cơ quan...	02 ngày	- Văn bản từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (BM số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018). - Các dự thảo văn bản liên quan khác.	
Các cơ quan gửi lấy ý kiến	Bước 2.3 - Lấy ý kiến các cơ quan liên quan		02 ngày	Văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan liên quan	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 3 - Tổng hợp, trình hồ sơ		2,5 ngày		
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 3.1 - Tổng hợp thẩm định hồ	Chuyên viên	1,5 ngày	Dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn)/Dự thảo văn bản yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ hoặc Văn bản từ chối giải quyết hồ	

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả công việc	Ghi chú
	sơ sau khi lấy ý kiến			sơ (BM số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 3.2 – Kiểm tra, duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Khoáng sản và Bảo vệ môi trường	0,25 ngày	Dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn)/Dự thảo văn bản yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ hoặc Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ.	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 3.3 - Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày	Dự thảo văn bản đã ký	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 3.4 - Phát hành văn bản	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Chuyển hồ sơ trình Dự thảo cấp giấy phép khai thác, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho UBND tỉnh. Chuyển bước 5. - Trường hợp từ chối giải quyết hồ sơ: Phát hành Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ Chuyển đến bước 7. - Trường hợp yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung: Phát hành văn bản yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ và tiếp nhận lại hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung. Chuyển bước 3.5.	
Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Bước 3.5 - Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ	0,25 ngày	Trường hợp yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung: Trả văn bản yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ và tiếp nhận lại hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung. Chuyển bước 4.	
	Bước 4 - Kiểm tra sau		02 ngày		

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả công việc	Ghi chú
	khi chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ				
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 4.1 - Thẩm định/thăm tra sau khi bổ sung hồ sơ	Chuyên viên	01 ngày	Dự thảo văn bản từ chối giải quyết hồ sơ/Giấy phép khai thác: BM số 05 Kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025.	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 4.2 - Kiểm tra, trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Chi cục Khoáng sản và Bảo vệ môi trường	0,25 ngày	Dự thảo văn bản đã ký nháy	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 4.3 - Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày	Dự thảo văn bản đã ký	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 4.4 - Phát hành văn bản	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày	Vào sổ đóng dấu, phát hành các văn bản	
UBND tỉnh	Bước 5 - UBND tỉnh xem xét, phê duyệt		03 ngày		
UBND tỉnh	Bước 5.1	Văn thư/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết	0,25 ngày	Toàn bộ hồ sơ	

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả công việc	Ghi chú
		quả Văn phòng UBND tỉnh			
UBND tỉnh	Bước 5.2	Cán bộ, công chức được giao xử lý hồ sơ	01 ngày	Dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn)/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	
UBND tỉnh	Bước 5.3	Lãnh đạo Phòng, ban chuyên môn	0,5 ngày	Dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn)/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	
UBND tỉnh	Bước 5.4	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày	Dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn)/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	
UBND tỉnh	Bước 5.5	Lãnh đạo UBND tỉnh	0,5 ngày	Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn)/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	
UBND tỉnh	Bước 5.6	Văn thư, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Văn phòng UBND tỉnh	0,25 ngày	Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn)/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	
Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Bước 6 - Tiếp nhận, tổng hợp kết quả giải quyết TTHC	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	01 ngày	- Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn)/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do; - Thông báo thu lệ phí cấp phép.	
Trung tâm Phục vụ hành chính	Bước 7 – Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công	0 ngày	Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn)/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả công việc	Ghi chú
công tỉnh		tỉnh			

3. Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV. Mã TTHC: 1.013323, có 02 quy trình:

3.1. Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV – Trường hợp đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản.

- Mã TTHC: 1.013323-01

- Thời gian giải quyết: 23 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả công việc	Ghi chú
Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Bước 1 - Tiếp nhận hồ sơ	Tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày	- Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 (Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định); - Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 (Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định); - Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ (trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ); - Dữ liệu được cập nhật trên hệ thống.	
	Bước 2 - Thẩm định, thẩm tra hồ sơ		9,25 ngày		

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả công việc	Ghi chú
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 2.1 - Phân công, thẩm định hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Khoáng sản và Bảo vệ môi trường	0,25 ngày	Chuyển hồ sơ trên phần mềm	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 2.2 - Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên; Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo cơ quan...	04 ngày	- Văn bản từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (BM số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018). - Các dự thảo văn bản liên quan khác.	
Các cơ quan gửi lấy ý kiến	Bước 2.3 - Lấy ý kiến các cơ quan liên quan		05 ngày	Văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan liên quan	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 3 - Tổng hợp, trình hồ sơ		5,5 ngày		
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 3.1 - Tổ chức họp Hội đồng thẩm định	Hội đồng thẩm định	03 ngày	- Tổng hợp các ý kiến; - Hoàn thành biên bản họp Hội đồng.	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 3.2 - Tổng hợp thẩm định hồ sơ sau khi họp Hội đồng	Chuyên viên	1,5 ngày	Dự thảo Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác: Biểu mẫu số 06 kèm theo Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025/Dự thảo văn bản yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ hoặc Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ (BM số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).	

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả công việc	Ghi chú
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 3.3 – Kiểm tra, duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Khoáng sản và Bảo vệ môi trường	0,25 ngày	Dự thảo Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác/Dự thảo văn bản yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ hoặc Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 3.4 - Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày	Dự thảo văn bản đã ký	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 3.5 - Phát hành văn bản	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Chuyển hồ sơ trình Dự thảo cấp giấy phép khai thác, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho UBND tỉnh. Chuyển bước 5. - Trường hợp từ chối giải quyết hồ sơ: Phát hành Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ Chuyển đến bước 7. - Trường hợp yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung: Phát hành văn bản yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ và tiếp nhận lại hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung. Chuyển bước 3.6.	
Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Bước 3.6 - Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ	0,25 ngày	Trường hợp yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung: Trả văn bản yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ và tiếp nhận lại hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung. Chuyển bước 4.	
	Bước 4 - Kiểm tra sau khi chỉnh sửa, bổ sung		03 ngày		

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả công việc	Ghi chú
	hồ sơ				
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 4.1 - Thẩm định/thẩm tra sau khi bổ sung hồ sơ	Chuyên viên	1,5 ngày	Dự thảo văn bản từ chối giải quyết hồ sơ/Dự thảo Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác: Biểu mẫu số 06 kèm theo Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025.	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 4.2 - Kiểm tra, trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Chi cục Khoáng sản và Bảo vệ môi trường	0,5 ngày	Dự thảo văn bản đã ký nháy	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 4.3 - Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày	Dự thảo văn bản đã ký	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 4.4 - Phát hành văn bản	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày	Vào sổ đóng dấu, phát hành các văn bản	
UBND tỉnh	Bước 5 - UBND tỉnh xem xét, phê duyệt		03 ngày		
UBND tỉnh	Bước 5.1	Văn thư/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Văn phòng UBND tỉnh	0,25 ngày	Toàn bộ hồ sơ	

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả công việc	Ghi chú
UBND tỉnh	Bước 5.2	Cán bộ, công chức được giao xử lý hồ sơ	01 ngày	Dự thảo Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	
UBND tỉnh	Bước 5.3	Lãnh đạo Phòng, ban chuyên môn	0,5 ngày	Dự thảo Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	
UBND tỉnh	Bước 5.4	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày	Dự thảo Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	
UBND tỉnh	Bước 5.5	Lãnh đạo UBND tỉnh	0,5 ngày	Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	
UBND tỉnh	Bước 5.6	Văn thư, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Văn phòng UBND tỉnh	0,25 ngày	Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	
Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Bước 6 - Tiếp nhận, tổng hợp kết quả giải quyết TTHC	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	02 ngày	- Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do. - Thông báo thu lệ phí cấp phép.	
Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Bước 7 – Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0 ngày	Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	

3.2. Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV – Trường hợp đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản.

- Mã TTHC: 1.013323-02

- Thời gian giải quyết: 13 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả công việc	Ghi chú
Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Bước 1 - Tiếp nhận hồ sơ	Tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày	- Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 (Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định); - Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 (Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định); - Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ (trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ); - Dữ liệu được cập nhật trên hệ thống.	
	Bước 2 - Thẩm định, thẩm tra hồ sơ		4,25 ngày		
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 2.1 - Phân công, thẩm định hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Khoáng sản và Bảo vệ môi trường	0,25 ngày	Chuyển hồ sơ trên phần mềm	
Sở Nông nghiệp và	Bước 2.2 -	Chuyên viên; Lãnh	01	- Văn bản từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ	

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả công việc	Ghi chú
Môi trường	Thẩm định hồ sơ	đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo cơ quan...	ngày	(BM số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018). - Các dự thảo văn bản liên quan khác.	
Các cơ quan gửi lấy ý kiến	Bước 2.3 - Lấy ý kiến các cơ quan liên quan		03 ngày	Văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan liên quan	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 3 - Tổng hợp, trình hồ sơ		2,5 ngày		
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 3.1 - Tổ chức họp Hội đồng thẩm định	Hội đồng thẩm định	01 ngày	- Tổng hợp các ý kiến; - Hoàn thành biên bản họp Hội đồng.	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 3.2 - Tổng hợp thẩm định hồ sơ sau khi họp Hội đồng	Chuyên viên	0,5 ngày	Dự thảo Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác: Biểu mẫu số 06 kèm theo Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025/Dự thảo văn bản yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ hoặc Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ (BM số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 3.3 – Kiểm tra, duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Khoáng sản và Bảo vệ môi trường	0,25 ngày	Dự thảo Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác/Dự thảo văn bản yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ hoặc Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ	
Sở Nông nghiệp và	Bước 3.4 - Ký	Lãnh đạo Sở Nông	0,25	Dự thảo văn bản đã ký	

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả công việc	Ghi chú
Môi trường	duyet hồ sơ	ngành và Môi trường	ngày		
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 3.5 - Phát hành văn bản	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Chuyển hồ sơ trình Dự thảo cấp giấy phép khai thác, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho UBND tỉnh. Chuyển bước 5. - Trường hợp từ chối giải quyết hồ sơ: Phát hành Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ Chuyển đến bước 7. - Trường hợp yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung: Phát hành văn bản yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ và tiếp nhận lại hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung. Chuyển bước 3.6.	
Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Bước 3.6 - Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ	0,25 ngày	Trường hợp yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung: Trả văn bản yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ và tiếp nhận lại hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung. Chuyển bước 4.	
	Bước 4 - Kiểm tra sau khi chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ		02 ngày		
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 4.1 - Thẩm định/thẩm tra sau khi bổ	Chuyên viên	01 ngày	Dự thảo văn bản từ chối giải quyết hồ sơ/Dự thảo Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác: Biểu mẫu số 06 kèm theo Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025.	

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả công việc	Ghi chú
	sung hồ sơ				
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 4.2 - Kiểm tra, trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Chi cục Khoáng sản và Bảo vệ môi trường	0,25 ngày	Dự thảo văn bản đã ký nháy	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 4.3 - Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày	Dự thảo văn bản đã ký	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 4.4 - Phát hành văn bản	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày	Vào sổ đóng dấu, phát hành các văn bản	
UBND tỉnh	Bước 5 - UBND tỉnh xem xét, phê duyệt		03 ngày		
UBND tỉnh	Bước 5.1	Văn thư/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Văn phòng UBND tỉnh	0,25 ngày	Toàn bộ hồ sơ	
UBND tỉnh	Bước 5.2	Cán bộ, công chức được giao xử lý hồ sơ	01 ngày	Dự thảo Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	
UBND tỉnh	Bước 5.3	Lãnh đạo Phòng,	0,5	Dự thảo Quyết định điều chỉnh giấy phép khai	

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả công việc	Ghi chú
		ban chuyên môn	ngày	thác/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	
UBND tỉnh	Bước 5.4	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày	Dự thảo Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	
UBND tỉnh	Bước 5.5	Lãnh đạo UBND tỉnh	0,5 ngày	Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	
UBND tỉnh	Bước 5.6	Văn thư, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Văn phòng UBND tỉnh	0,25 ngày	Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	
Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Bước 6 - Tiếp nhận, tổng hợp kết quả giải quyết TTHC	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	01 ngày	- Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do. - Thông báo thu lệ phí cấp phép.	
Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Bước 7 – Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0 ngày	Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	

4. Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV. Mã TTHC: 1.013324, có 01 quy trình:

- Thời gian giải quyết: 28 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả công việc	Ghi chú
-----------------	----------------	-----------------------	-----------	----------------------------	---------

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả công việc	Ghi chú
Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Bước 1 - Tiếp nhận hồ sơ	Tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày	- Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 (Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định); - Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 (Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định); - Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ (trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ); - Dữ liệu được cập nhật trên hệ thống.	
	Bước 2 - Thẩm định, thẩm tra hồ sơ		12,75 ngày		
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 2.1 - Phân công, thẩm định hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Khoáng sản và Bảo vệ môi trường	0,25 ngày	Chuyển hồ sơ trên phần mềm	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 2.2 - Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên; Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo cơ quan...	7,5 ngày	- Văn bản từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (BM số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018). - Các dự thảo văn bản liên quan khác.	
Các cơ quan gửi lấy ý kiến	Bước 2.3 - Lấy ý kiến		05 ngày	Văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan liên quan	

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả công việc	Ghi chú
	các cơ quan liên quan				
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 3 - Tổng hợp, trình hồ sơ		05 ngày		
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 3.1 - Tổ chức họp Hội đồng thẩm định	Hội đồng thẩm định	03 ngày	- Tổng hợp các ý kiến; - Hoàn thành biên bản họp Hội đồng.	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 3.2 - Tổng hợp thẩm định hồ sơ sau khi họp Hội đồng	Chuyên viên	01 ngày	Dự thảo Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác: Biểu mẫu số 06 kèm theo Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025/Dự thảo văn bản yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ hoặc Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ (BM số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 3.3 – Kiểm tra, duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Khoáng sản và Bảo vệ môi trường	0,25 ngày	Dự thảo Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác/Dự thảo văn bản yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ hoặc Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 3.4 - Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày	Dự thảo văn bản đã ký	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 3.5 - Phát hành văn bản	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Chuyển hồ sơ trình Dự thảo cấp giấy phép khai thác, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho	

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả công việc	Ghi chú
				UBND tỉnh. Chuyển bước 5. - Trường hợp từ chối giải quyết hồ sơ: Phát hành Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ Chuyển đến bước 7. - Trường hợp yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung: Phát hành văn bản yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ và tiếp nhận lại hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung. Chuyển bước 3.6.	
Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Bước 3.6 - Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ	0,25 ngày	Trường hợp yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung: Trả văn bản yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ và tiếp nhận lại hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung. Chuyển bước 4.	
	Bước 4 - Kiểm tra sau khi chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ		05 ngày		
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 4.1 - Thẩm định/thẩm tra sau khi bổ sung hồ sơ	Chuyên viên	03 ngày	Dự thảo văn bản từ chối giải quyết hồ sơ/Dự thảo Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác: Biểu mẫu số 06 kèm theo Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025.	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 4.2 - Kiểm tra, trình Lãnh đạo Sở Nông	Lãnh đạo Chi cục Khoáng sản và Bảo vệ môi trường	0,5 ngày	Dự thảo văn bản đã ký nháy	

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả công việc	Ghi chú
	ngành và Môi trường				
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 4.3 - Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày	Dự thảo văn bản đã ký	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 4.4 - Phát hành văn bản	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày	Vào sổ đóng dấu, phát hành các văn bản	
UBND tỉnh	Bước 5 - UBND tỉnh xem xét, phê duyệt		03 ngày		
UBND tỉnh	Bước 5.1	Văn thư/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Văn phòng UBND tỉnh	0,25 ngày	Toàn bộ hồ sơ	
UBND tỉnh	Bước 5.2	Cán bộ, công chức được giao xử lý hồ sơ	01 ngày	Dự thảo Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	
UBND tỉnh	Bước 5.3	Lãnh đạo Phòng, ban chuyên môn	0,5 ngày	Dự thảo Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	
UBND tỉnh	Bước 5.4	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày	Dự thảo Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả công việc	Ghi chú
UBND tỉnh	Bước 5.5	Lãnh đạo UBND tỉnh	0,5 ngày	Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	
UBND tỉnh	Bước 5.6	Văn thư, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Văn phòng UBND tỉnh	0,25 ngày	Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	
Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Bước 6 - Tiếp nhận, tổng hợp kết quả giải quyết TTHC	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	02 ngày	- Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do. - Thông báo thu lệ phí cấp phép.	
Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Bước 7 – Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0 ngày	Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	

II. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI

1. Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công.

- Mã TTHC: 1.012833, có 01 quy trình:

- Thời gian giải quyết: 32 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian (ngày)	Biểu mẫu/kết quả	Ghi chú
Trung tâm Phục	Bước 1 - Tiếp	Tiếp nhận hồ sơ	0,25	- Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số	

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian (ngày)	Biểu mẫu/kết quả	Ghi chú
vụ hành chính công tỉnh	nhận hồ sơ		ngày	01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 (Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định); - Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 (Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định); - Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ (trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ); - Dữ liệu được cập nhật trên hệ thống.	
	Bước 2 - Thẩm định hồ sơ		07 ngày		
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 2.1 - Phân công, thẩm định hồ sơ	Lãnh đạo Cơ quan chuyên môn	0,5 ngày	Chuyển hồ sơ trên phần mềm	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 2.2 - Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên; Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo cơ quan...	6,5 ngày	- Văn bản từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (BM số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018). - Các dự thảo văn bản liên quan khác.	

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian (ngày)	Biểu mẫu/kết quả	Ghi chú
Hội đồng nghiệm thu	Bước 3 - Tổ chức thẩm định hồ sơ và tổ chức kiểm tra thực địa dự án	Hội đồng nghiệm thu	14,25 ngày	Biên bản nghiệm thu theo Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2024/NĐ-CP	
	Bước 4 - Tổng hợp, trình hồ sơ		05 ngày		
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 4.1 - Kiểm tra, thẩm định hồ sơ sau nghiệm thu	Chuyên viên	03 ngày	- Dự thảo Quyết định hỗ trợ đầu tư theo Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2024/NĐ-CP. - Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ (BM số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 4.2 - Kiểm tra, trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Cơ quan chuyên môn	0,5 ngày	Dự thảo Quyết định hỗ trợ đầu tư/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 4.3 - Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày	Dự thảo văn bản đã ký	

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian (ngày)	Biểu mẫu/kết quả	Ghi chú
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 4.4 - Phát hành văn bản	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày	Vào sổ đóng dấu, phát hành các văn bản	
UBND tỉnh	Bước 5 - UBND tỉnh xem xét, phê duyệt		05 ngày		
UBND tỉnh	Bước 5.1	Văn thư/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Văn phòng UBND tỉnh	0,25 ngày	Toàn bộ hồ sơ	
UBND tỉnh	Bước 5.2	Cán bộ, công chức được giao xử lý hồ sơ	02 ngày	Dự thảo Quyết định hỗ trợ đầu tư/Văn bản từ chối nêu rõ lý do.	
UBND tỉnh	Bước 5.3	Lãnh đạo Phòng, ban chuyên môn	0,5 ngày	Dự thảo Quyết định hỗ trợ đầu tư/Văn bản từ chối nêu rõ lý do.	
UBND tỉnh	Bước 5.4	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày	Dự thảo Quyết định hỗ trợ đầu tư/Văn bản từ chối nêu rõ lý do.	
UBND tỉnh	Bước 5.5	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày	Quyết định hỗ trợ đầu tư/Văn bản từ chối nêu rõ lý do.	

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian (ngày)	Biểu mẫu/kết quả	Ghi chú
UBND tỉnh	Bước 5.6	Văn thư, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Văn phòng UBND tỉnh	0,25 ngày	Quyết định hỗ trợ đầu tư/Văn bản từ chối nêu rõ lý do.	
Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Bước 6 - Tiếp nhận, tổng hợp kết quả giải quyết TTHC	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày	Quyết định hỗ trợ đầu tư/Văn bản từ chối nêu rõ lý do.	
Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Bước 7 - Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0 ngày	Quyết định hỗ trợ đầu tư/Văn bản từ chối nêu rõ lý do.	

2. Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước

- Mã TTHC: 1.012834, có 01 quy trình:
- Thời gian giải quyết: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian (ngày)	Biểu mẫu/kết quả	Ghi chú
Trung tâm Phục vụ hành chính	Bước 1 - Tiếp nhận hồ sơ	Tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày	- Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 (Trường	

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian (ngày)	Biểu mẫu/kết quả	Ghi chú
công tỉnh				hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định); - Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 (Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định); - Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ (trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ); - Dữ liệu được cập nhật trên hệ thống.	
	Bước 2 - Thẩm định hồ sơ		03 ngày		
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 2.1 - Phân công, thẩm định hồ sơ	Lãnh đạo Cơ quan chuyên môn	0,25 ngày	Chuyển hồ sơ trên phần mềm	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 2.2 - Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên; Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo cơ quan...	2,75 ngày	- Văn bản từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (BM số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018). - Các dự thảo văn bản liên quan khác.	

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian (ngày)	Biểu mẫu/kết quả	Ghi chú
Hội đồng nghiệm thu	Bước 3 - Tổ chức thẩm định hồ sơ và tổ chức kiểm tra thực địa dự án	Hội đồng thẩm định	6,25 ngày	Biên bản thẩm định	
	Bước 4 - Tổng hợp, trình hồ sơ		05 ngày		
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 4.1 - Kiểm tra, thẩm định hồ sơ sau nghiệm thu	Chuyên viên	03 ngày	- Dự thảo Dự thảo quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ. - Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ (BM số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 4.2 - Kiểm tra, trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Cơ quan chuyên môn	0,5 ngày	Dự thảo Dự thảo quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 4.3 - Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày	Dự thảo văn bản đã ký	

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian (ngày)	Biểu mẫu/kết quả	Ghi chú
Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bước 4.4 - Phát hành văn bản	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày	Vào sổ đóng dấu, phát hành các văn bản	
UBND tỉnh	Bước 5 - UBND tỉnh xem xét, phê duyệt		05 ngày		
UBND tỉnh	Bước 5.1	Văn thư/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Văn phòng UBND tỉnh	0,25 ngày	Toàn bộ hồ sơ	
UBND tỉnh	Bước 5.2	Cán bộ, công chức được giao xử lý hồ sơ	02 ngày	Dự thảo Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	
UBND tỉnh	Bước 5.3	Lãnh đạo Phòng, ban chuyên môn	0,5 ngày	Dự thảo Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	
UBND tỉnh	Bước 5.4	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày	Dự thảo Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	
UBND tỉnh	Bước 5.5	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày	Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian (ngày)	Biểu mẫu/kết quả	Ghi chú
UBND tỉnh	Bước 5.6	Văn thư, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Văn phòng UBND tỉnh	0,25 ngày	Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	
Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Bước 6 - Tiếp nhận, tổng hợp kết quả giải quyết TTHC	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày	Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	
Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Bước 7 - Trả kết quả	Trung tâm PVHCC tỉnh	0 ngày	Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ/Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nêu rõ lý do.	

B. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

I. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI

1. Hỗ trợ chi phí nâng cao hiệu quả chăn nuôi cho đơn vị đã cung cấp vật tư phối giống, công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước

- Mã TTHC: 1.012836, có 01 quy trình:
- Thời gian giải quyết: 90 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian (ngày)	Biểu mẫu/kết quả	Ghi chú
UBND cấp huyện	Bước 1 - Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,5 ngày	- Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 (Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định); - Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 (Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định); - Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ (trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ); - Dữ liệu được cập nhật trên hệ thống.	Nộp danh sách gia súc đã được phối giống nhân tạo cho cơ quan chuyên môn cấp huyện: 03 tháng/lần
	Bước 2 - Thẩm định hồ sơ		20 ngày		
UBND cấp huyện	Bước 2.1 - Phân công, thẩm định hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện	0,5 ngày	Chuyển hồ sơ trên phần mềm	
UBND cấp huyện	Bước 2.2 - Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên xử lý, thẩm định hồ sơ	19,5 ngày	- Văn bản từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (BM số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018). - Các dự thảo văn bản liên quan khác.	Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian (ngày)	Biểu mẫu/kết quả	Ghi chú
					quyết, trả hồ sơ không 3 ngày làm việc
UBND cấp huyện	Bước 3 - Tổ chức nghiệm thu	Tổ chức nghiệm thu kết quả phối giống nhân tạo gia súc	50 ngày	Biên bản nghiệm thu kết quả phối giống nhân tạo gia súc	
	Bước 4 - Tổng hợp trình, phê duyệt hồ sơ		18 ngày		
UBND cấp huyện	Bước 4.1 - Kiểm tra, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên	13 ngày	- Dự thảo Quyết định Hỗ trợ cung cấp vật tư, công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); liều tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái. - Văn bản từ chối giải quyết hồ sơ (BM số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).	
UBND cấp huyện	Bước 4.2 - Kiểm tra, trình Lãnh đạo UBND cấp huyện	Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện	02 ngày	Dự thảo Quyết định Hỗ trợ cung cấp vật tư, công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); liều tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái/Văn bản từ chối nêu rõ lý do.	

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian (ngày)	Biểu mẫu/kết quả	Ghi chú
UBND cấp huyện	Bước 4.3 - Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo UBND cấp huyện	03 ngày	Quyết định Hỗ trợ cung cấp vật tư, công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); liều tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái/Văn bản từ chối nêu rõ lý do.	
UBND cấp huyện	Bước 5 - Phát hành văn bản, trả hồ sơ	Văn thư/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	1,5 ngày	Quyết định Hỗ trợ cung cấp vật tư, công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); liều tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái/Văn bản từ chối nêu rõ lý do.	

2. Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước.

- Mã TTHC: 1.012837, có 01 quy trình:
- Thời gian giải quyết: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian (ngày)	Biểu mẫu/kết quả	Ghi chú
UBND cấp huyện	Bước 1 - Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,5 ngày	- Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 (Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định);	

Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian (ngày)	Biểu mẫu/kết quả	Ghi chú
				- Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 (Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định); - Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ (trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ); - Dữ liệu được cập nhật trên hệ thống.	
UBND cấp huyện	Bước 2 - Phân công, thẩm định hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện	0,5 ngày	Chuyển hồ sơ trên phần mềm	
UBND cấp huyện	Bước 3 - Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên xử lý, thẩm định hồ sơ	15,5 ngày	- Văn bản từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (BM số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018). - Dự thảo Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ.	Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, trả hồ sơ không 3 ngày làm việc
UBND cấp huyện	Bước 4 - Kiểm tra, trình Lãnh UBND cấp huyện	Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện	01 ngày	Dự thảo Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ/Văn bản từ chối nêu rõ lý do.	Trong thời hạn 20 ngày tính từ ngày có quyết



Cơ quan, đơn vị	Bước thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian (ngày)	Biểu mẫu/kết quả	Ghi chú
UBND cấp huyện	Bước 5 - Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo UBND cấp huyện	02 ngày	Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ/Văn bản từ chối nêu rõ lý do.	định phê duyệt kinh phí hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện hỗ trợ kinh phí cho đối tượng được hỗ trợ theo quy định của Luật Ngân sách
UBND cấp huyện	Bước 6 - Phát hành văn bản, trả hồ sơ	Văn thư/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	0,5 ngày	Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ/Văn bản từ chối nêu rõ lý do.	